

Dự thảo

Số: TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng công trình năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tình hình thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa phương tiện thiết bị năm 2025 và kế hoạch đầu tư xây dựng, phương tiện thiết bị năm 2026 như sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư năm 2025:

Căn cứ Nghị quyết số 464/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn) báo cáo việc thực hiện đầu tư như sau:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đầu tư			Sửa chữa		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I	Trang thiết bị	20.022	18.506	92%	61.604	59.660	97%
	- Theo KH được giao	16.190	14.806				
	- Phát sinh	3.832	3.700				
II	Xây dựng CT	89.762	11.427	13%	78.716	47.405	60%
	- Theo KH được giao	87.962	9.643				
	- Phát sinh	1.800	1.784				

1. Công tác đầu tư:

Về xây dựng công trình: Năm 2025; tỷ lệ thực hiện đạt 13% do: (i) các hạng mục tập trung cho tại khu Cảng Tân Thuận chuyển sang năm 2026 để phù hợp với tiến độ cầu Thủ Thiêm 4; (ii) dự án cảng Trung chuyển quốc tế Cần Giờ tỷ lệ thực hiện đạt 11,3% do chưa được là nhà đầu tư chính thức của Dự án nên một số công tác chưa đủ điều kiện pháp lý để triển khai dẫn đến tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch còn thấp. (iii) Các dự án Cảng tàu khách quốc tế Nhà Rồng Khánh Hội (500 triệu đồng) và Cảng thủy nội địa tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh – ICD (500 triệu đồng) không thực hiện. (iv) Trong năm phát sinh 1 dự án bổ sung (xây dựng sân pickle ball) đã hoàn thành thực hiện.

Về trang thiết bị: Trang thiết bị có 6 hạng mục được giao và 3 hạng mục phát sinh (3 xe nâng điện, 3 xe điện và 1 xe 7 chỗ). 100% các hạng mục đã được triển khai thực hiện. Giá trị thực hiện đạt 92% tương đương 16,6 tỷ đồng, giảm 8% so với dự toán ban đầu.

2. Về sửa chữa:

Stt	Chỉ tiêu		Sửa chữa
-----	----------	--	----------

		ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I	Trang thiết bị	Triệu đồng	61.604	59.660	97%
II	Xây dựng CT	Triệu đồng	78.716	47.405	60%

a) Về xây dựng công trình:

Tỷ lệ thực hiện đạt 60% so với kế hoạch; nguyên nhân do không thực hiện các hạng mục cải tạo mặt bằng VPĐH (12 tỷ đồng, chiếm 15% kế hoạch) do chờ quy hoạch Dự án Bảo tàng HCM của thành phố; nâng đường bãi khu NRKH (chỉ thực hiện 3 tỷ/5 tỷ đồng do ảnh hưởng di dời, chiếm 3% kế hoạch); các hạng mục nâng đường bãi tại Tân Thuận không thực hiện được do biến động giá vật liệu phải hủy thầu (10 tỷ đồng chiếm 13%). Nếu loại trừ các hạng mục nói trên thì tỷ lệ thực hiện đạt 95% so kế hoạch giao.

b) Về phương tiện:

Tỷ lệ thực hiện các hạng mục đạt 85% với 345/405 hạng mục kế hoạch với tổng chi phí thực hiện 59,66 tỷ đồng so với kế hoạch 61,604 tỷ đạt 97% so với kế hoạch.

Kịp thời khắc phục các hư hỏng phát sinh, đảm bảo hoạt động an toàn, liên tục của công cụ xếp dỡ, phương tiện thiết bị phục vụ khai thác, phương tiện thủy, hệ thống bến phao và các cầu cảng, góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NĂM 2026

1. Kế hoạch đầu tư phương tiện thiết bị, xây dựng công trình:

DVT: triệu đồng

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2026	
		Đầu tư	Sửa chữa
I	Trang thiết bị	61.030	76.133
II	Xây dựng CT	93.223	165.646
III	Công nghệ thông tin	6.600	
	Tổng cộng	160.853	241.778

Đính kèm: - Phụ lục 1: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị năm 2026

- Phụ lục 2: Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026

- Phụ lục 3: Kế hoạch sửa chữa công trình và máy móc thiết bị năm 2026

Chi tiết về kế hoạch đầu tư mới như sau:

1.1. Kế hoạch đầu tư mới:

a) Phương tiện thiết bị: Tổng giá trị đầu tư mới khoảng 61,030 tỷ đồng các thiết bị đăng ký tập trung cho hoạt động kinh doanh khai thác. Cụ thể

Tại khu vực BRVT cần đầu tư thêm do yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển tại khu vực BRVT trong điều kiện hạ tầng CSG tại khu vực TP.HCM 01 xe cuốc cần dài để làm hàng sắt vụn; 1 xe xúc lật (đã qua sử dụng)

- Mở rộng nâng cấp cải tạo khẩu độ rail cần cầu LB 40-3 từ 10.5m lên 14 mét để phù hợp với cầu tàu Trung tâm điều hành khai thác BRVT, Bên cạnh đó để bổ sung nhu cầu đi lại và làm việc với các đối tác trong dự án Cần Giờ trong thời gian tới, Cảng bổ sung thêm

1 xe 7 chỗ để hoạt động trong năm 2026 và các hạng mục trang thiết bị khác...tại các khu vực Trung tâm điều hành khai thác của Công ty.

b) Xây dựng công trình:

Tổng giá trị đầu tư mới năm 2026 93,22 tỷ đồng (i) chuẩn bị cho công tác di dời đối với khi khu NRKH được bàn giao cho UBNDTP và khi cầu Thủ Thiêm khởi công xây dựng, kế hoạch xây dựng gồm văn phòng khu Tân Thuận cần phải xây dựng lại để phù hợp với yêu cầu và VPĐH Cảng Sài Gòn (ii) Cải tạo bến phao TL2 – TL4: điều chỉnh hướng tuyến bến phao do thay đổi dòng chảy (8 tỷ); (iii) chi phí tư vấn cho các dự án: nâng cấp khách sạn Đà Lạt; cải tạo cầu tàu TT2; kéo dài cầu tàu SSIT...; (iiii) Công A Cảng Tân Thuận có tổng mức đầu tư 13 tỷ (do tăng quy mô lên 8 lane và bổ sung làm đường dẫn cho công) và các công trình xây dựng khác đáp ứng với tình hình hoạt động của Cảng Sài Gòn trong năm 2026

c) Về công nghệ thông tin: Kế hoạch thực hiện khoảng 6,6 tỷ đồng.

1.2. Các hạng mục chi phí sửa chữa:

a) Trang thiết bị:

Tổng giá trị sửa chữa trang thiết bị năm 2026 là 76,133 tỷ đồng. Các hạng mục chủ yếu bao gồm: sửa chữa, thay thế thiết bị các xe nâng, cần cẩu tại các đơn vị. Các thiết bị của cảng hầu như đã cũ, thường xuyên hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động khai thác cảng nên cần thiết phải sửa chữa trong năm. Thực hiện đăng kiểm các tàu lai trong năm theo qui định của nhà nước và sửa chữa các tàu để đảm bảo điều kiện hoạt động.

b) Xây dựng công trình:

Tổng giá trị là 165,646 tỷ đồng. Các công trình chủ yếu là sửa chữa các kho, bãi tại các khu vực Cảng Tân Thuận (chủ yếu là khu vực bến Tân Thuận 2 để tăng khả năng chất xếp hàng hóa; tăng khả năng tiếp nhận tàu khi cầu Thủ Thiêm chuẩn bị khởi công xây dựng), nạo vét các cầu tàu để tăng khả năng tiếp nhận tàu;

Chi phí sửa chữa trang thiết bị và xây dựng công trình, Cảng Sài Gòn đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép cảng được hạch toán vào chi phí giá thành hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng.

2. Về nguồn vốn đầu tư: sử dụng nguồn vốn tự bổ sung của Cảng Sài Gòn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa phương tiện thiết bị và xây dựng năm 2026 như nêu trên.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cổ đông CSG;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng website CSG;
- Lưu: VT, NPTQTCT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Cường

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH 2026 VỀ ĐẦU TƯ THIẾT BỊ
(Đính kèm Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

TT	Tên dự án	Khu vực	Số lượng /diện tích	ĐVT	Tổng giá trị	Kế hoạch thực hiện 2026	Ghi chú
A	THIẾT BỊ				269.627	61.030	
I	Các dự án chuyển từ 2025						
II	Kế hoạch 2026				269.627	61.030	
1	Tàu lai Azimuth	LDTB	2	Tàu	210.597	2.000	
2	Cải tạo Nâng cấp nguồn hạ thế cấp điện cho cầu tàu Thép miền nam (chương trình cảng xanh)	BRVT	1	Gói	3.300	3.300	
3			1	Gói	3.400	3.400	
4	Cải tạo Nâng cấp trạm điện Khu bên Cảng - Khu vực Tân Thuận 2 (chương trình cảng xanh)	Tân Thuận	1	Gói	4.400	4.400	
5			1	Gói	4.000	4.000	
6	Đầu tư mới trạm điện K12C cho cầu tàu K12C - Khu vực Tân Thuận (chương trình cảng xanh)	Tân Thuận	1	Gói	5.100	5.100	
7			1	Gói	2.800	2.800	
8	Cải tạo nâng cấp trạm điện TT2 cấp điện cho Cầu K12, K12A, K12B và RTG04 - khu vực Tân thuận (chương trình cảng xanh)	Tân Thuận	1	Gói	6.200	6.200	
09			1	Gói	4.000	4.000	
10	Nâng cấp trạm trung thế 1 máy 2000-4000KVA Cấp điện cho các tàu khách tại khu vực NRKH (chương trình cảng xanh)	NRKH	1	Gói	8.000	8.000	
11	Xe 7 chỗ Canival	VPC	1	Xe	1.980	1.980	
12	Xe cầu cần dài	BRVT	1	Xe	11.000	11.000	
13	Xe xúc lật (đã qua sử dụng)	BRVT	1	Xe	350	350	

TT	Tên dự án	Khu vực	Số lượng /diện tích	ĐVT	Tổng giá trị	Kế hoạch thực hiện 2026	Ghi chú
14	Mở rộng nâng cấp cải tạo khẩu độ rail cân cầu LB 40-3 từ 10.5m lên 15 mét để phù hợp với cầu tàu Trung tâm điều hành khai thác BRVT	Tân Thuận	1	cầu	4500	4.500	

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH 2026 VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
(Đính kèm Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

TT	Tên dự án	Khu vực	Số lượng /diện tích	ĐVT	Hạng mục thực hiện	Tổng giá trị	Kế hoạch thực hiện 2026	Ghi chú
B	XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					2.112.107,5	93.223	
I	Các dự án chuyển từ 2025					57.621	44.331	
1	Mở rộng Công cảng Tân Thuận (công A)	Tân Thuận				13.000	13.000	
2	Tháo dỡ kho 2, kho 3, hạ nền kho làm mặt bãi chứa hàng (TT2)	Tân Thuận 2				16.000	4.200	
3	Cảng trung chuyên quốc tế CG				chuyển tiếp các gói thầu 2025 qua 2026 thực hiện tiếp	28.621	27.131	
II	Kế hoạch 2026					2.054.486,5	48.892	
1	Xây dựng kho mới 2500m2	Tân Thuận 2	2.500	m2		6.620	13.392	
2	Cảng trung chuyên quốc tế CG				<i>Thuê đơn vị tư vấn thành lập công ty liên doanh và các thủ tục khác</i>	1.020	-	
					<i>Thiết kế FEED</i>	26.735	-	
					<i>Lập quy hoạch 1/2000</i>	2.550	-	
					<i>Dự phòng phát sinh</i>	2.550	-	
3	Trụ tựa tàu cho cầu chính					15.000	15.000	
4	Nâng cấp bến xà lan 1000 DWT					4.000	4.000	
	Bổ sung						-	
5	VPĐH Tân Thuận				<i>Xây mới VP 1 trệt 2 lầu (700m2 sàn) + nhà xe, căn tin (do ảnh hưởng cầu Thủ Thiêm 4) (Chi phí TV lập BCKTKT)</i>	10.000	500	
6	Cải tạo bến phao TL 2-4		2	Bến phao	<i>Điều chỉnh hướng tuyến bến phao do thay đổi dòng chảy (đào đắp</i>	8.000	8.000	

TT	Tên dự án	Khu vực	Số lượng /diện tích	ĐVT	Hạng mục thực hiện	Tổng giá trị	Kế hoạch thực hiện 2026	Ghi chú
					<i>hố chôn rùa mới, thả lại phao tại vị trí mới</i>			
7	Cải tạo nâng cấp KS Đà Lạt				Chi phí tư vấn lập thủ tục & BCKTKT	14.878	1.000	
8	Cải tạo cầu tàu Tân Thuận 2				Chi phí tư vấn lập thủ tục & BCKTKT	25.500	1.000	
9	Kéo dài cầu tàu SSIT				Chi phí TV lập BC Tiền khả thi & khả thi	400.000	2.000	
10	VPDDH CSG		<i>18 tầng 30.240m² 01 hầm: 1.680m²</i>		<i>Chi phí TV lập QH 1/500, TV lập HS trình chấp thuận chủ trương</i>	628.000	2.000	
11	NHÀ Ở XÃ HỘI (Ụ STIC)		<i>Diện tích đất quy hoạch: 4.567,2 m² Tổng sàn xây dựng: ≈35.168 m² (17 tầng + 3 hầm)</i>		<i>Chi phí TV lập QH 1/500, TV lập HS trình chấp thuận chủ trương</i>	909.633,5	2.000	

PHỤ LỤC 3:
KẾ HOẠCH 2026 VỀ SỬA CHỮA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG TIỆN THIẾ BỊ
(Đính kèm Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

DVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026		
				Sửa chữa	Vật tư	Tổng cộng
	SỬA CHỮA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					
I	TTĐHKH Tân Thuận			106.855	0	106.855
1	Di dời cầu cân sang vị trí mới	54	m2	600		600
2	Sửa chữa nâng đường giáp khu dân cư từ bãi C1 (kho 2) đến hết kho 1 (DT: 135M*17M=2295M2) - Cảng Tân Thuận	2.295	m2	3.049		3.049
3	Sửa chữa nâng đường giáp khu dân cư từ kho 1 đến hết bãi C4 (DT: 80M*16M= 1280 M2) - Cảng Tân Thuận	1.280	m2	1.365		1.365
4	Sửa chữa nâng nền đường khu vực từ cổng vào đến ngã tư bê tông đá 1x2 M300 Giai đoạn 2 (Diện tích: =600m2) - Cảng Tân Thuận	600	m2	998		998
5	Cải tạo sửa chữa mặt bãi C2- Cảng Tân Thuận	3.655	m2	1.430		1.430
6	Sửa chữa nâng gổi container và đường chạy RTG Bloc C Bãi C2			2.431		2.431
7	Sửa chữa nâng nền đường nội bộ từ cầu K12B đến ngã ba cổng ra (DT: (38m+51m)/2*91m=4050m2 - Cảng Tân Thuận	4.060	m2	1.447		1.447
8	Sửa chữa nâng nền đường nội bộ từ cầu K12A đến cầu K12C sau bến trứng- Cảng Tân Thuận	2.070	m2	1.380		1.380
9	Sửa chữa nâng nền xưởng sửa chữa cơ giới (diện tích 14m*40m)	560	m2	1.274		1.274
10	Sửa chữa nâng nền đường trước khu vực cơ giới bằng bê tông đá 1x2 M300 (diện tích 15m*72m)	1.080	m2	1.205		1.205
11	Sửa chữa nâng nền đường trước khu vực nhà văn phòng bằng bê tông đá 1x2 M300 (diện tích 15m*57m)	855	m2	893		893
12	Sửa chữa nền đường gạch con sấu bãi C3 RTG tuyến đường rộng 12,9m và tuyến đường rộng 6,2m có 30% nền gạch bị hư hỏng [DT: (12,9m+6,2m)*157m*30%=899,61m2] - Cảng Tân Thuận	899,61	m2	480		480
13	Sửa chữa nền đường gạch con sấu bãi C2 tuyến đường rộng 6,2 m có 50% nền gạch bị hư hỏng (DT: 6,2m*155m*50%=480,5m2) - Cảng Tân Thuận	480,5	m2	260		260
14	Sửa chữa bãi giữa kho 1 và kho 2 (Diện tích: 20m*78m=1560m2)	1.560	m2	2.567		2.567
15	Duy tu sửa chữa đường bãi theo quy hoạch khu vực cổng vào đến Cảng Tân Thuận Đông (khu vực hạ lưu cầu Thủ Thiêm 4) - giai đoạn 1	69.700	m2	50.000		50.000
16	Sửa chữa mới nối ray cân cầu Gantry (cầu K12B) - Cảng Tân Thuận			300		300
17	Sửa chữa duy tu cầu tàu	5	Cầu tàu	5.000		5.000
18	Sửa chữa duy tu kho 4	1	kho	500		500
19	Nâng nền và nâng mái kho 1	m2	2.800	6.500		6.500
20	Nâng nền và nâng mái kho 2	m2	2.800	6.500		6.500
21	Sửa chữa nền gạch con sấu - Tân Thuận 2	2.000	m2	1.800		1.800
22	Cải tạo sửa chữa mặt bãi C1 giai đoạn 2 (DT: 10861m2*50%=5430,5m2) - Cảng Tân Thuận	5.431	m2	3.000		3.000
23	Cải tạo nâng nền bãi phần còn lại của bãi C4 (3.072	m2	3.000		3.000

TT	Hạng mục	Số lượng	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026		
				Sửa chữa	Vật tư	Tổng cộng
	SỬA CHỮA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					
	3072m2)					
24	Cải tạo nâng nền bãi C1 sau bến trung (1100m2)	1.100	m2	1.000		1.000
25	Nâng đường dọc khu vực cơ giới (Tân Thuận 2)	532	m2	600		600
26	Nâng đường trước kho 1 phía KCX (Tân Thuận 2)	2.141	m2	2.000		2.000
27	SC Bãi giữa kho 1-2 TT2			2.528		2.528
28	Cabin điều khiển công cảng TT2			248		248
29	Điều chỉnh HT PCCC TT2			500		500
30	Linh tinh, đột xuất phục vụ SXKD			4.000		4.000
II	TTĐHKT NRKH			21.250	0	21.250
1	Sửa chữa duy tu các kho, nâng nền nâng cửa...			3.250		3.250
2	Duy tu đường bãi ,dặm vá bê tông nhựa, vệ sinh các bãi			9.000		9.000
3	Duy tu hạ tầng kỹ thuật (HT cấp thoát nước, điện, PCCC...)			1.000		1.000
4	Duy tu sửa chữa cầu tàu			1.000		1.000
5	Duy tu sửa chữa Văn phòng			1.000		1.000
6	Cải tạo Bến phao TL2 - TL4			6.000		6.000
III	TTĐHKT BRVT			9.250	0	9.250
1	Duy tu sửa chữa cầu tàu			2.000		2.000
2	Mua mới, sửa chữa đệm tàu			2.500		2.500
3	Sửa chữa dặm vá đường nội bộ			1.000		1.000
4	Duy tu sửa chữa Văn phòng			350		350
5	Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ cột B lên cột A			1.000		1.000
6	Nạo vét Bến Xà lan			2.400		2.400
IV	TTĐHKT Tàu Lai dắt			7.000	0	7.000
1	Duy tu sửa chữa Văn phòng, nhà xe			2.000		2.000
2	Duy tu hạ tầng kỹ thuật bãi sửa chữa			5.000		5.000
V	Văn phòng chính			21.291	0	21.291
1	Thuê lắp đặt & vận hành Trạm quan trắc khí tượng thủy văn			43		43
2	Kiểm định định kỳ chất lượng hạ tầng cảng biển: Cầu K12, K12A, K12B, K12C, Tân Thuận 2 - Cảng Tân Thuận	5	Cầu tàu	1.800		1.800
3	Các bến phao: Đăng kiểm định kỳ hàng năm			500		500
4	Các bến phao: Đăng kiểm định kỳ 5 năm	5		2.750		2.750
5	Duy tu sửa chữa phao neo			248		248
6	Cải tạo, sửa chữa, duy tu VPĐH			2.500		2.500
7	Cải tạo phòng làm việc tại các chi nhánh (theo SSC)			2.000		2.000
8	Mua mới, sửa chữa đệm tàu			4.500		4.500
9	Đo sâu ra TBHH định kỳ cầu cảng và các bến phao			450		450
10	Chi phí Dự phòng cho các HMCT đột xuất			5.000		5.000
11	Tư vấn thủ tục công bố bích neo của cảng TMN nằm trên cầu PTSC			500		500
12	Tư vấn xin thỏa thuận vị trí 5 bến phao mới thay thế 5 bến phao trên sông Nhà Bè			500		500

TT	Hạng mục	Số lượng	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026		
				Sửa chữa	Vật tư	Tổng cộng
	SỬA CHỮA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH					
13	Tư vấn thủ tục kéo dài cầu tàu nhà máy thép			500		500
	Tổng Cộng			165.646		165.646
Sửa chữa PTTB 2026						
1	Tân Thuận			17.306	39.833	57.139
2	BRVT			2.453	8.185	10.638
3	LDTB			2.266	565	2.831
4	NRKH			1.105	870	1.975
5	VPC			1.000	2.550	3.550
	Tổng Cộng			24.130	52.003	76.133